TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **56** /2025/DS-ST

Ngày 19 - 9 - 2025

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích;

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp kiện đòi tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2025/QĐST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm T, sinh ngày: 01/01/1967, căn cước công dân số: 060067006596, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày: 01/01/1967, căn cước công dân số: 060167002640, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm T *trình bày:*

Ông T và bà Nguyễn Thị M trước đây là vợ, chồng nhưng đã ly hôn, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 196/2012/HNGĐ-ST, ngày 05/12/2012, của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà M không tự nguyện thi hành án, bản thân ông T không nhận được bản án, đến năm 2019, ông T liên hệ và được Tòa án nhân dân thị xã La Gi cấp bản án, ông T liên hệ thực hiện thủ tục thi hành án thì được thông báo đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả lại các tài sản mà ông T đã được phân chia theo Bản án hôn nhân và gia đình số 196/2012/HNGĐ-ST, ngày 05/12/2012, của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, cụ thể gồm:

+ Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 25, có diện tích 2.526,4m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 925924, do UBND thị xã L cấp ngày 02/7/2010;

+ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.934m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007;

+ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.486m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007;

+ Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, có diện tích 899m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007.

+ 588 trụ thanh long (mới trồng) trên các thửa đất có diện tích 2.526,4m^2 (có 263 trụ); thửa đất có diện tích 1.486m^2 (có 220 trụ) và thửa đất có diện tích 899m^2 (có 105 trụ).

+ Buộc bà Nguyễn Thị M phải giao cho ông T 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007.

+ Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán tài sản chênh lệch cho ông T với số tiền là 247.971.500 đồng.

Đến trước khi nhận được Bản án số 196/2012/HNGĐ-ST, ngày 05/12/2012 (vào năm 2019) thì 04 thửa đất cùng 588 trụ thanh long do ông T trực tiếp quản lý, sử dụng, từ sau khi nhận được bản án này, ông T nhận thấy việc chia tài sản đã được giải quyết nên cần thiết phải được đứng tên quyền sử dụng trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó việc đầu tư sản xuất vào đất mới được bảo vệ, ông T yêu cầu thi hành án nhưng hết thời hiệu nên ông T tạm dừng canh tác, không phải do bà M cản trở hay giành quyền sử dụng đối với các thửa đất này. Do qua thời gian không được chăm sóc, đến năm 2022 thì 588 trụ thanh long này bị lụi, tàn, chết không thể tiếp tục khai thác nên ông T đã tháo dỡ trụ, chuyển sang trồng tre lấy măng, đồng thời giữ đất, bảo vệ đất không bị xâm phạm.

Trong 04 thửa đất được chia cho ông T được công nhận quyền sử dụng tại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng, có 01 giấy chứng nhận do ông T đang quản lý, còn 03 giấy chứng nhận đang do bà M quản lý, đến nay vẫn chưa bàn giao cho ông T theo quyết định của bản án. Bà M cũng không thanh toán giá trị chênh lệch tài sản theo bản án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T rút lại yêu cầu về việc: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả lại các tài sản là:

+ Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 25, có diện tích 2.526,4m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 925924, do UBND thị xã L cấp ngày 02/7/2010;

+ Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.934m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007;

+ Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.486m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007;

+ Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, có diện tích 899m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007.

+ 588 trụ thanh long (mới trồng) trên các thửa đất có diện tích 2.526,4m^2 (có 263 trụ); thửa đất có diện tích 1.486m^2 (có 220 trụ) và thửa đất có diện tích 899m^2 (có 105 trụ).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút trong quá trình giải quyết vụ án, chấp nhận đối với phần yêu cầu khởi kiện còn lại, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Tấn R lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho ông T tài sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 145, tờ bản đồ số 25, có diện tích 2.526,4m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 925924, do UBND thị xã L cấp ngày 02/7/2010; Quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.934m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; Quyền sử dụng hửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.486m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; Quyền sử dụng thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, có diện tích 899m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; 588 trụ thanh long (mới trồng) trên các thửa đất có diện tích 2.526,4m^2 (có 263 trụ); thửa đất có diện tích 1.486m^2 (có 220 trụ) và thửa đất có diện tích 899m^2 (có 105 trụ), là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, ông T hiểu rõ hậu quả pháp lý của việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Phạm T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007 và số tiền 247.971.500 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp buộc bị đơn phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L tỉnh Bình Thuận (Nay là thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng, Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự. Đồng thời xác định bà M không thực hiện nghĩa vụ và từ bỏ quyền của mình trong vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại Bản án sơ thẩm số 196/2012/HNGĐ-ST, ngày 05/12/2012, của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) đã quyết định buộc bà Nguyễn Thị M phải giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số AH 397050, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; số AH 397099, thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 12/5/2007 và số AH 397097, thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007, cho ông Phạm Tấn L thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán tài sản chênh lệch cho ông Phạm Tấn S tiền: 247.971.500 đồng. Ông Phạm T được quyền sở hữu số tiền 247.971.000 đồng do bà M thanh toán tài sản chênh lệch.

[5] Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T xác định bà M không tự nguyện thi hành đối với các nội dung trên của bản án, khi ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì được thông báo là hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Tại Công văn số 755/CCTHADS, ngày 11/4/2025, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin cơ quan thi hành án đã ban hành các quyết định thi hành án chủ động đối với các khoản thu, nộp vào ngân sách Nhà nước, đối với các khoản nghĩa vụ theo đơn tại Bản án số 196/2012/HNGĐ-ST, do không có đơn yêu cầu nên Chi cục THADS thị xã L không tổ chức thi hành. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*"; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án

tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có), không tham gia phiên họp, phiên tòa là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để xác định bà M chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền và giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, trong khi đó thời hiệu yêu cầu thi hành Bản án số 196/2012/HNGĐ-ST đã hết theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 196/2012/HNGĐ-ST, ngày 05/12/2012, của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) đã xác lập quyền sở hữu của ông T đối với số tiền 247.971.500 đồng mà bà M có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông T, tuy nhiên bà M không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao tài sản cho ông T nên ông T có quyền đòi lại tài sản này theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự.

[6] Khoản 21 Điều 3 Luật Đất đai quy định: "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất…*", đồng thời theo quy định của pháp luật đất đai, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một trong các điều kiện để thực hiện các quyền của người sử dụng đất, và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thành phần hồ sơ để người có quyền sử dụng đất thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai. Việc bà M không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số AH 397050, thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; số AH 397099, thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 12/5/2007 và số AH 397097, thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, được UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007, cho ông Phạm Tấn L1 cản trở ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, do vậy, ông T có quyền yêu cầu bà M phải giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này theo quy định tại Điều 164 Bộ luật Dân sự.

[8] Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn L1 có căn cứ và cần được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn

Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

- Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 21 Điều 3 Luật Đất đai.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn V việc: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho ông T tài sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 145, tờ bản đồ số 25, có diện tích 2.526,4m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 925924, do UBND thị xã L cấp ngày 02/7/2010; Quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.934m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do UBND thị xã L cấp ngày 12/3/2007; Quyền sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, có diện tích 1.486m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397099, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; Quyền sử dụng thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, có diện tích 899m^2 tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AH 397097, do UBND thị xã L cấp ngày 15/02/2007; 588 trụ thanh long (mới trồng) trên các thửa đất có diện tích 2.526,4m^2 (có 263 trụ); thửa đất có diện tích 1.486m^2 (có 220 trụ) và thửa đất có diện tích 899m^2 (có 105 trụ). Ông Phạm T có quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T:

+ Buộc bà Nguyễn Thị M phải giao cho ông Phạm Tấn :

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397050, do Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp ngày 12/3/2007, đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397097, do Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp ngày 15/02/2007, đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 397099, do Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ) cấp ngày 15/02/2007, đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị M phải giao trả cho ông Phạm Tấn S tiền là 247.971.500 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị M phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Phạm T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) theo Biên lai thu số 0016751, ngày 17/10/2023.

+ Ông Phạm Tấn P chịu 4.215.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông T đã nộp đủ

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đình Phú